

# CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

● NGUYỄN ĐÌNH THỊNH

## TÓM TẮT:

Trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi số, hoạt động công chứng lại thiếu sự liên kết, tích hợp giữa cơ sở dữ liệu công chứng với các dữ liệu của các ngành, nghề có liên quan; cơ sở dữ liệu giao dịch tài sản, cung cấp thông tin cho tổ chức hành nghề công chứng chưa hoàn chỉnh. Bài viết tập trung phân tích: (i) Thực tiễn áp dụng chuyển đổi số trong hoạt động công chứng tại một số quốc gia trên thế giới; (ii) Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về chuyển đổi số trong hoạt động công chứng; (iii) Tính tất yếu của chuyển đổi số trong hoạt động công chứng tại Việt Nam. Các phân tích và kiến nghị được trình bày với mục tiêu hoàn thiện các quy định pháp luật về chuyển đổi số trong hoạt động công chứng. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác minh thông tin, thực hiện công chứng các hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

**Từ khóa:** công chứng điện tử, công chứng số, chuyển đổi số.

## 1. Khái niệm chuyển đổi số trong hoạt động công chứng

Công chứng là một dịch vụ công thiết yếu trong lĩnh vực tư pháp. Chuyển đổi số đối với công chứng là một tất yếu, kết quả của hoạt động công chứng có liên quan chặt chẽ đến nhiều dịch vụ hành chính công và dịch vụ công khác. Chuyển đổi số lĩnh vực công chứng không chỉ đơn thuần là việc số hóa hồ sơ giấy mà còn là việc chia sẻ, kết nối dữ liệu về công chứng với các cơ sở dữ liệu điện tử khác. Việc chuyển đổi số sẽ cho phép nghiệp vụ công chứng

được thực hiện từ xa, rút ngắn khoảng cách về thời gian, không gian thực hiện và thay đổi hoàn toàn phương thức lưu trữ truyền thống. Chuyển đổi số trong lĩnh vực công chứng cũng đem lại các lợi ích vượt trội giúp ngăn ngừa rủi ro pháp lý cho các tổ chức, cá nhân, nhà nước và các chủ thể có liên quan, giúp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội trong việc gửi, nhận thông tin nhanh chóng, dễ dàng, tiết kiệm, việc đối soát, xác thực, xử lý thông tin nhanh chóng, chính xác.

Tại Việt Nam, khái niệm chuyển đổi số thường

được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... nhằm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty. Không chỉ có vai trò quan trọng tại các doanh nghiệp mà chuyển đổi số còn đóng vai trò quan trọng trong các lĩnh vực khác của xã hội như chính phủ, truyền thông đại chúng, y học, khoa học...

“Chuyển đổi số” (Digital Transformation) có thể dễ bị nhầm lẫn với khái niệm “Số hóa” (Digitizing). Để phân biệt hai khái niệm này, có thể hiểu rằng “Số hóa” là quá trình hiện đại hóa, chuyển đổi các hệ thống thường sang hệ thống kỹ thuật số (chẳng hạn như chuyển từ tài liệu dạng giấy sang các file mềm trên máy tính, số hóa truyền hình chuyển từ phát sóng analog sang phát sóng kỹ thuật số...); trong khi đó, “Chuyển đổi số” là khai thác các dữ liệu có được từ quá trình số hóa, rồi áp dụng các công nghệ để phân tích, biến đổi các dữ liệu đó và tạo ra các giá trị mới hơn. Có thể xem “Số hóa” như một phần của quá trình “Chuyển đổi số”.

Như vậy, “chuyển đổi số trong hoạt động công chứng” có thể được hiểu là việc tích hợp, áp dụng công nghệ số làm thay đổi một cách căn bản về thông tin, quy trình, thủ tục công chứng để nâng cao hiệu quả hành nghề của công chứng viên, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng, đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản công chứng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các chủ thể tham gia hợp đồng, giao dịch.

Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đã định nghĩa về “môi trường điện tử” là trong đó thông tin được tạo lập, cung cấp, trao đổi, thu thập, xử lý, lưu trữ thông qua mạng Internet, mạng máy tính, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu. Như vậy, “thực hiện công chứng trên môi trường điện tử” được hiểu là việc người thực hiện công chứng và cá nhân, tổ chức yêu cầu công chứng tiến hành toàn bộ hoặc một số bước về thủ tục công chứng để giải quyết yêu cầu công chứng trên môi trường điện tử.

## **2. Thực tiễn áp dụng chuyển đổi số trong hoạt động công chứng tại một số quốc gia trên thế giới**

Tại Nhật Bản, công chứng trực tuyến được bắt đầu từ năm 2000 đối với các tài liệu cá nhân, đến năm 2002 phạm vi công chứng điện tử được mở rộng đối với việc công chứng điều lệ của công ty. Tuy nhiên, pháp luật vẫn quy định Người yêu cầu công chứng (hoặc đại diện) phải trực tiếp gặp Công chứng viên. Hiện nay, Hiệp hội Công chứng tập trung Nhật Bản có kế hoạch triển khai công chứng điện tử qua các phương tiện điện tử (điện thoại thông minh, hội nghị trực tuyến...) nhằm đáp ứng yêu cầu “chứng nhận trước mặt Công chứng viên” trong môi trường số<sup>1</sup>.

Tại Trung Quốc, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng đã bắt đầu từ năm 2000 với nhiều phần mềm phục vụ công chứng khác nhau do các tổ chức hành nghề công chứng tự xây dựng. Sau đó, Hội Công chứng viên Trung Quốc đã hợp nhất vào trong một hệ thống quản lý chung. Tính đến cuối tháng 8/2018, đã có 2.961 tổ chức hành nghề công chứng và 13.385 công chứng viên sử dụng hệ thống này<sup>2</sup>. Việc xây dựng và sử dụng phần mềm công chứng đã hỗ trợ nhiều mặt cho hoạt động công chứng như: chuẩn hóa các dịch vụ công chứng, cải thiện khả năng cung ứng dịch vụ, tập hợp dữ liệu thực hiện công chứng, nộp hồ sơ qua mạng (khách hàng chỉ đến tổ chức hành nghề công chứng 1 lần), chia sẻ thông tin về giao dịch công chứng giữa các ông chứng viên để giảm việc xác minh, quản lý hành nghề công chứng, chia sẻ với công chứng viên các thông tin có liên quan khác như di chúc, sở hữu trí tuệ. Trung Quốc sẽ khai thác và thực hiện dịch vụ công chứng trực tuyến, các hệ thống công chứng từ xa, lưu giữ chứng cứ điện tử trực tuyến trong thời gian tới, cùng với đó là nghiên cứu và xây dựng quy định về công chứng phù hợp với các quy định về giao dịch trực tuyến<sup>3</sup>.

Tại Pháp, công chứng điện tử bắt đầu triển khai từ năm 2008. Để thực hiện công chứng điện tử, Pháp đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định có liên quan, trong đó có Bộ luật Dân sự (sửa năm 2000) và ban hành quy định về chữ ký điện tử, công chứng điện tử. Văn bản công chứng điện tử có giá trị như văn bản công chứng giấy. Toàn bộ các văn bản

công chứng điện tử đều được lưu trữ tại Trung tâm MICEN đặt dưới sự giám sát của Hội đồng công chứng tối cao Pháp. Công chứng điện tử tại Pháp được đánh giá là một sự chuyển biến lớn về phương pháp và môi trường thực hiện công chứng, giúp việc công chứng nhanh, hiệu quả hơn, văn bản công chứng lưu trữ lâu dài hơn<sup>4</sup>.

Hệ thống công chứng điện tử được áp dụng tại Hàn Quốc từ năm 2010, cho phép xác nhận người dùng (công chứng viên) thông qua máy tính hoặc điện thoại thông minh. Hệ thống này hữu ích khi người yêu cầu công chứng sinh sống ở nơi không có công chứng viên hoặc ngoài Hàn Quốc và giúp giảm bớt chi phí. Tuy nhiên, trước đây do Hàn Quốc không có quy định cho phép nhận yêu cầu công chứng thông qua hình ảnh nên ngay cả khi sử dụng hệ thống công chứng điện tử, Người yêu cầu công chứng vẫn phải đến tổ chức hành nghề công chứng ít nhất 1 lần để gặp trực tiếp công chứng viên. Từ ngày 20/6/2018, luật pháp Hàn Quốc mới cho phép người yêu cầu công chứng gặp công chứng viên thông qua hội nghị trực tuyến (video-conference) và nhận văn bản công chứng trực tuyến, thay vì phải trực tiếp đến tổ chức hành nghề công chứng. Tuy nhiên, không phải tất cả các công chứng viên đang hành nghề đều có thể thực hiện quy trình này mà chỉ có một số công chứng viên được cấp phép mới được thực hiện nên Bộ Tư pháp Hàn Quốc phải giải quyết một số vấn đề về kỹ thuật để có thể kiểm tra và xác nhận người dùng (công chứng viên) và phải có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ (cơ quan cấp thẻ hành nghề công chứng)<sup>5</sup>.

### **3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về chuyển đổi số trong hoạt động công chứng**

Qua một số mô hình công chứng điện tử tại một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy cách tiếp cận công chứng điện tử ở các quốc gia khá khác nhau. Có những nước sử dụng công cụ điện tử cho toàn bộ quy trình công chứng từ khâu tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ đến việc công chứng viên chứng nhận văn bản công chứng thông qua chữ ký số/chữ ký điện tử và đóng dấu s. Có những nước chỉ sử dụng trong một công đoạn của quy trình công chứng. Mặc dù cách tiếp cận công chứng điện tử ở các quốc gia có sự khác nhau, nhưng xu thế chung là dần dần các

bước của quy trình công chứng sẽ được thực hiện trực tuyến thông qua công cụ điện tử. Một điểm chung giữa các quốc gia khi bắt đầu ứng dụng công chứng số, đó là đều bắt đầu từ việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung để lưu trữ và xử lý dữ liệu ở phạm vi quốc gia.

Nâng cao hiểu biết về công nghệ số để có sự chuẩn bị về tâm lý, kỹ năng cần thiết nhằm chủ động, tích cực tham gia chuyển đổi số là yêu cầu đầu tiên. Chuyển đổi số trong các hoạt động công chứng có thể được thực hiện trong mọi điều kiện ngay cả khi pháp luật về chuyển đổi số chưa được ghi nhận một cách đầy đủ. Những hoạt động chuyển đổi số có thể thực hiện ngay bằng việc ứng dụng các phần mềm hỗ trợ vận hành trong hoạt động của tổ chức công chứng như: các phần mềm quản lý văn phòng, xử lý hồ sơ công chứng, hỗ trợ soạn thảo văn bản; kiểm tra, sưu tra thông tin công chứng, số hóa tài liệu lưu trữ, kế toán số công chứng... Nhận thức về chuyển đổi số của người quản lý điều hành là yếu tố quyết định mức độ ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong tổ chức công chứng.

Với tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ mới như hiện nay, nên việc điều chỉnh của pháp luật không thể theo kịp tốc độ phát triển công nghệ là điều không thể tránh khỏi. Chuyển đổi số ngành công chứng cũng trong hoàn cảnh tương tự. Nhìn chung, điều chỉnh pháp luật của các quốc gia đối với các nền tảng công nghệ nói chung và công nghệ số trong công chứng nói riêng vẫn chưa kịp thời. Một số quốc gia áp dụng mô hình công chứng điện tử, công chứng từ xa như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc vẫn chưa thể hoàn thiện khung pháp luật để áp dụng trong các vấn đề mới về công chứng điện tử.

Một số nội dung cơ bản của khung pháp luật công chứng trên môi trường điện tử gồm: Điều chỉnh pháp luật đối với dữ liệu điện tử, chứng thư công chứng điện tử; Chữ ký, con dấu điện tử của công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng; Xác định các điều kiện đảm bảo năng lực của chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, giao dịch trên môi trường công chứng điện tử; Chuẩn hóa thủ tục công chứng trên môi trường điện tử...

Cơ sở hạ tầng số và các điều kiện về an toàn và an ninh mạng là các yếu tố cần thiết để triển khai công chứng điện tử. Các nước trên thế giới và Việt Nam đang có sự đầu tư mạnh mẽ để phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn quốc và bảo đảm an ninh, an toàn không gian mạng. Mông Cổ, đã triển khai công chứng điện tử từ năm 2018. Việt Nam, trong “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 định hướng đến năm 2030” cũng đã đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đặt nền móng cho chuyển đổi số. Nhìn chung, hạ tầng số của Việt Nam đã có nhiều thuận lợi để triển khai từng bước công chứng điện tử trên phạm vi toàn quốc.

Thực hiện chuyển đổi số công chứng không có nghĩa là kinh nghiệm và kỹ năng của người công chứng viên bị xem nhẹ hoặc các nguyên tắc cơ bản hành nghề của nghề công chứng sẽ bị thay đổi, bởi những yêu cầu về tính xác thực và giá trị pháp lý của văn bản công chứng vẫn không thay đổi. Việc áp dụng công nghệ mới phải giúp tăng cường các nguyên tắc công chứng được chặt chẽ hơn. Vai trò của công chứng viên hành nghề một cách có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp vẫn là yếu tố quan trọng nhất tạo nên giá trị của nghề công chứng trong thực hiện công chứng điện tử.

Chuyển đổi số còn liên quan đến vai trò của công chứng viên trong tương lai, khi mức độ số hóa ngày càng cao có thể tạo ra những thay đổi quan trọng đối với nghề công chứng. Với chuyển đổi số, các công chứng viên đem lại cho cá nhân, tổ chức yêu cầu công chứng các thủ tục được đảm bảo và tiếp cận dễ dàng, từ đó củng cố vị thế của nghề công chứng viên, nghề công chứng sẽ có nhiều cơ hội được mở rộng sang lĩnh vực mới.

#### **4. Tính tất yếu của chuyển đổi số trong hoạt động công chứng tại Việt Nam**

##### **4.1. Chuyển đổi số trong hoạt động công chứng để đáp ứng yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số dịch vụ công**

Công chứng được quy định là một dịch vụ công<sup>6</sup>, một dịch vụ thiết yếu trong lĩnh vực tư pháp. Chuyển đổi số đối với dịch vụ công là nhiệm vụ trọng tâm được nhắc tới trong hầu như tất cả các văn kiện, văn bản của Đảng và Chính phủ liên quan

đến xây dựng chính phủ điện tử và chuyển đổi số quốc gia.

Tính đến thời điểm hiện tại, đã có gần 3000 dịch vụ công được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đặc biệt, các dịch vụ công liên quan đến hoạt động chứng thực theo quy định của Nghị định 23 áp dụng cho cơ quan tư pháp cấp quận, huyện và xã phường, trị trấn đã được tích hợp đầy đủ.

Mức độ chuyển đổi số của các dịch vụ công hiện nay chỉ đang ở giai đoạn đầu và còn rất nhiều vấn đề cần phải hoàn thiện để dịch vụ công trên môi trường số được phổ cập đến người dân. Tuy nhiên, những chuyển biến cả về chính sách và việc thực thi chuyển đổi sps trên thực tế tại Việt Nam đã cho thấy việc chuyển đổi số đối với hoạt động công chứng là tất yếu, bởi công chứng không chỉ là một dịch vụ công đích thực mà sản phẩm, kết quả của hoạt động công chứng có liên quan chặt chẽ đến nhiều dịch vụ hành chính công và dịch vụ công khác. Công chứng rõ ràng là một mắt xích quan trọng trong chuỗi các dịch vụ công mà Nhà nước bảo đảm cung cấp cho công dân, do vậy, cần có sự đồng bộ về hành lang pháp lý, nền tảng kỹ thuật và cách thức cung cấp dịch vụ. Khi hầu hết các dịch vụ công được chuyển đổi số thì việc chuyển đổi số đối với dịch vụ công chứng là điều tất yếu, không thể không thực hiện.

##### **4.2. Chuyển đổi số trong hoạt động công chứng nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công chứng**

Ưu điểm rất lớn khi làm việc trên nền tảng số là khả năng xử lý thông tin, tổng hợp, báo cáo và rà soát thông tin được thực hiện với độ chính xác và tốc độ cực nhanh. Chuyển đổi số đối với ngành công chứng sẽ giúp cho cơ quan quản lý có được số liệu đầy đủ nhất, theo dõi sát nhất mọi hoạt động của các đối tượng cần quản lý vào bất kỳ thời điểm nào mà không mất quá nhiều công sức cho việc yêu cầu lập báo cáo, thống kê và rà soát dữ liệu. Việc thanh, kiểm tra có thể thực hiện từ xa đối với bất kỳ tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, hay bất cứ giao dịch công chứng nào.

Việc truyền tải các chủ trương, chính sách, các quyết định, chỉ thị hay bất cứ thông tin nào từ cơ quan quản lý đối với đối tượng cần quản lý được

triển khai chính xác và tức thời. Hiệu quả của việc áp dụng chính sách và biện pháp quản lý có thể được đánh giá theo định kỳ hoặc vào thời điểm bất kỳ nhờ vào các công cụ phân tích dữ liệu số bằng những thao tác đơn giản.

#### ***4.3. Chuyển đổi số trong hoạt động công chứng để đáp ứng các yêu cầu của hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tư pháp***

Trong điều kiện các nước trong khu vực và thế giới đều đồng loạt thực hiện chuyển đổi số thì các văn bản, dữ liệu pháp lý dưới dạng số được sử dụng ngày càng rộng rãi thay cho các văn bản giấy thủ công. Cách thức sử dụng, xác thực các văn bản điện tử khác rất nhiều so với văn bản giấy. Công nhận giá trị pháp lý và chấp nhận cách thức sử dụng các loại văn bản điện tử là đòi hỏi tất yếu và mở ra cơ hội rất lớn để Việt Nam hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực tư pháp, loại bỏ rất nhiều thủ tục rườm rà mà các tổ chức, cá nhân phải thực hiện trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý có yếu tố nước ngoài. Ngược lại, chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp nói chung và công chứng nói riêng cũng giúp cho việc xác thực, công nhận và sử dụng các văn

bản pháp lý của Việt Nam tại nước ngoài được dễ dàng, thuận tiện hơn.

#### **5. Kết luận**

Chuyển đổi số là giải pháp cho sự phát triển bền vững của ngành Công chứng trước những thách thức mới của thời đại số. Thực hiện chuyển đổi số tạo ra nhiều cơ hội góp phần giải quyết những thách thức đang đặt ra cho nghề công chứng đang gặp phải. Các hoạt động chuyển đổi số công chứng hiện nay ở Việt Nam mức độ chưa cao, khung pháp luật điều chỉnh công chứng điện tử chưa đầy đủ và đang trong quá trình hoàn thiện. Về mặt công nghệ chuyển đổi số không nằm ngoài khả năng của Việt Nam, vấn đề quan trọng nhất của chuyển đổi số chính là chuyển đổi nhận thức. Bên cạnh đó, cần sớm hoàn thiện khung pháp luật về công chứng điện tử sẽ thúc đẩy quá trình chuyển đổi số công chứng, từ đó khắc phục nhiều hạn chế tồn tại đang diễn ra hiện nay trong hoạt động công chứng. Thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động công chứng cũng là một nhân tố thúc đẩy các hoạt động chuyển đổi số ở những lĩnh vực có liên quan, góp phần thực hiện chiến lược chuyển đổi số quốc gia của Chính phủ ■

#### **TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:**

<sup>1,2,3</sup> Báo cáo “Xây dựng thông tin cho hoạt động công chứng” của Hiệp hội Công chứng tập trung Nhật Bản tại Hội nghị toàn thể lần thứ 8, Ủy ban các vấn đề châu Á của Liên minh công chứng quốc tế tổ chức tại Tây An, Thiểm Tây, Trung Quốc, tháng 9 năm 2018, tr.30-34.

<sup>4</sup> Tài liệu Tọa đàm Kinh nghiệm số hóa công chứng Pháp - Thực trạng và triển vọng phát triển ở Việt Nam, tháng 7 năm 2018, Bộ Tư pháp Việt Nam - Hội đồng Công chứng tối cao Cộng hòa Pháp, tr.7.

<sup>5</sup> Báo cáo “Giới thiệu về sự phát triển hoạt động công chứng” của Hiệp hội Công chứng viên Hàn Quốc tại Hội nghị toàn thể lần thứ 8, Ủy ban Các vấn đề châu Á của Liên minh công chứng quốc tế tổ chức tại Tây An, Thiểm Tây, Trung Quốc, tháng 9 năm 2018, tr. 60-64.

<sup>6</sup> Điều 3 Luật Công chứng 2014

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Phan Thị Bình Thuận, “Công chứng điện tử tại Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 20 (420), tháng 10/2020.

2. Báo cáo “Xây dựng thông tin của công nghệ công chứng Trung Quốc” của Hiệp hội Công chứng Trung Quốc tại Hội nghị toàn thể lần thứ 8 Ủy ban các vấn đề Châu án của Liên minh công chứng quốc tế tổ chức tại Tây An, Thiểm Tây, Trung Quốc, tháng 9 năm 2018 tr.19.

3. Tài liệu Tọa đàm Kinh nghiệm số hóa công chứng Pháp - Thực trạng và triển vọng phát triển ở Việt Nam, tháng 7 năm 2018, Bộ Tư pháp Việt Nam - Hội đồng Công chứng tối cao Cộng hòa Pháp, tr.7.

**Ngày nhận bài: 12/6/2023**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 29/6/2023**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 13/7/2023**

*Thông tin tác giả:*

**NGUYỄN ĐÌNH THỊNH**

**Lớp Thạc sĩ Khóa 1, niên khóa: 2020 - 2022**

**Học viện Hành chính Quốc gia**

## **DIGITAL TRANSFORMATION IN NOTARY ACTIVITIES UNDER LAWS OF SOME COUNTRIES AND LESSONS LEARNED FOR VIETNAM**

● Master's student **NGUYEN DINH THINH**  
National Academy of Public Administration

### **ABSTRACT:**

Vietnam's economy is undergoing digital transformation, but there is a lack of linkages between the notary database and data from related fields and professions. In addition, the database of property transactions that provides information for notarial practice organizations is incomplete. This paper analyzes: (i) practical application of digital transformation in notarization activities in some countries around the world; (ii) lessons learned for Vietnam on digital transformation in notarization activities; and (iii) the inevitability of digital transformation in notarization activities in Vietnam. This paper's analysis and recommendations are to improve provisions on digital transformation in notarization activities, creating favorable conditions for information verification, notarization of contracts, and transactions.

**Keywords:** electronic notarization, digital notarization, digital conversion.